

Module/môn:PRE104 - Kỹ năng hoạt náo	Số hiệu Assignment: 1/1	% điểm: 60%
Người điều phối của FPT Polytechnic: Anhltn20	Ngày ban hành: 04/2023	

Bài Assignment này đòi hỏi sinh viên phải dùng khoảng 48 h làm để hoàn thành

Chuẩn đầu ra môn học:

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể:

- G1.1 Phát biểu được khái niệm và các công việc của hoạt náo viên
- G1.2 Thảo luận về vai trò của hoạt náo viên trong một sự kiện
- G1.3 Liệt kê những yêu cầu của một hoạt náo viên
- G1.4 Tranh luận về những yêu cầu bắt buộc của một hoạt náo viên
- G2.1 So sánh được hiệu quả hoạt náo có thực hiện phân tích đối tượng khán giả và không thực hiện phân tích đối tượng khán giả
- G2.2 Thảo luận về vị trí và vai trò của khán giả trong chương trình hoạt náo
- G3.1 Trình bày được ý nghĩa của từng nội dung của một kịch bản cho chương trình hoạt náo
- G3.2 Thảo luận phần cố định tương đối và linh hoạt trong một kịch bản cho chương trình hoạt náo
- G3.3 Liệt kê những đặc điểm của chương trình hoạt náo trên các phương tiện vận chuyển
- G3.4 Liệt kê những đặc điểm của chương trình hoạt náo trong nhà cho các tình huống có tính giải trí cao
- G3.5 Liệt kê những đặc điểm của chương trình hoạt náo trong nhà cho các tình huống có tính trang trọng
- G3.6 Liệt kê những đặc điểm của chương trình hoạt náo ngoài trời
- G3.7 Phân biệt được những điểm giống và khác nhau của một chương trình hoạt náo trong nhà và ngoài trời
- G4.1 Xây dựng được kịch bản một chương trình hoạt náo ngắn trên các phương tiện vận chuyển
- G4.2 Xây dựng được kịch bản một chương trình hoạt náo ngắn trong nhà cho các tình huống có tính giải trí cao
- G4.3 Xây dựng được kịch bản một chương trình hoạt náo ngắn trong nhà cho các tình huống tính trang trọng
- G4.4 Xây dựng được kịch bản một chương trình hoạt náo ngắn ngoài trời
- G5.1 Thực hiện một chương trình hoạt náo ngắn trong không gian hẹp
- G5.2 Thực hiện một chương trình hoạt náo ngắn ngoài trời
- G5.3 Thực hiện một kịch bản chương trình hoạt náo ngắn trong nhà tại địa điểm ngoài trời
- G5.4 Thực hiện một kịch bản chương trình hoạt náo ngắn ngoài trời tại địa điểm trong nhà

Gian lận là hình thức lấy bài làm của người khác và sử dụng như là mình làm ra. Hình thức đó bao gồm những hành động như: copy thông tin trực tiếp từ trang web hay sách mà không ghi rõ nguồn tham khảo trong tài liệu; gửi bài assignment làm chung như là thành quả cá nhân; copy bài assignment của các sinh viên khác cùng khóa hay khác khóa; ăn trộm hay mua bài assignment của ai đó và gửi lên như là sản phẩm mình làm ra. Những sinh viên bị nghi ngờ gian lận sẽ bị điều tra và nếu phát hiện là có gian lận thì sẽ phải chịu các mức phạt theo quy định của Nhà trường.

Mọi tài nguyên copy hay điều chế từ bất cứ nguồn nào (VD: Internet, sách) phải được đặt trong cặp dấu nháy kép và in nghiêng, với thông tin tham khảo đầy đủ về nguồn tài liệu.

Bài làm của bạn sẽ được đưa vào phần mềm kiểm tra gian lận. Mọi hình thức cố tình đánh lừa hệ thống phát hiện gian lận sẽ bị coi là Vi phạm quy định trong thi cử.

Assignment

Chuẩn đầu ra của dự án	Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> - Xác định các công việc chính của hoạt náo viên. - Xác định các kỹ năng cần thiết của một hoạt náo viên. - Thực hiện các kỹ năng hoạt náo trong không gian hẹp và ngoài trời.
Các công cụ cần có	Internet, máy tính
Tài nguyên	Tài nguyên môn học “Kỹ năng hoạt náo”
Nguồn tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> - Một số sách liên quan tới hoạt náo viên, hướng đạo sinh, quản trò,... - Tìm kiếm trên internet/các website liên quan.
Số trang yêu cầu	Tối thiểu 10 trang giấy A4

MÔ TẢ ASSIGNMENT:

Assignment yêu cầu sinh viên phải thực hiện những công việc cơ bản của một hoạt náo viên trong thực tiễn, vận dụng những kỹ năng được học, kinh nghiệm và bài học thu thập được trong quá trình học vào thực tiễn.

Sinh viên có thể tiến hành:

1. Lựa chọn một doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực tổ chức sự kiện và tham gia vào phần công việc hoạt náo trong các sự kiện.
2. Thành lập một nhóm để bắt đầu công việc cung cấp dịch vụ hoạt náo cho các sự kiện nhỏ.

YÊU CẦU SẢN PHẨM CỦA ASSIGNMENT:

Y1- Lựa chọn doanh nghiệp để nghiên cứu

1. Tóm tắt nội dung ngắn gọn về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp, lịch sử hình thành và phát triển.
- Sơ đồ tổ chức, vị trí của phòng tổ chức sự kiện trong sơ đồ tổ chức đó, vị trí của bộ phận hoạt náo trong phòng tổ chức sự kiện (đặc biệt tìm hiểu rõ bộ phận này có tách riêng ra hay là nhân sự phụ trách chung của sự kiện)
- Những chương trình hoạt náo trong năm qua mà doanh nghiệp đã thực hiện.

2. Tìm hiểu về công việc của hoạt náo viên trong doanh nghiệp

- Tìm hiểu những nội dung công việc của một hoạt náo viên trong chương trình/sự kiện doanh nghiệp tổ chức
- Mô tả lại yêu cầu về trình độ, năng lực, kỹ năng của hoạt náo viên mà doanh nghiệp lựa chọn trong các chương trình/sự kiện.
- Xác định cơ hội và thách thức hoạt náo viên phải đối mặt trên thực tế.

Y2: Kịch bản hoạt náo

- Thu thập kịch bản hoạt náo của các chương trình/ sự kiện (3-5 kịch bản) mà doanh nghiệp thực hiện
- Tìm hiểu và phỏng vấn các nhân sự tham gia trong các chương trình đó về việc thực hiện kịch bản trên thực tế:
 1. Phần khó khăn
 2. Phần tuân theo đúng kịch bản
 3. Phần thường thay đổi
- Đưa ra nhận xét và form mẫu chuẩn về kịch bản hoạt náo tối ưu trong doanh nghiệp

Y3- Thực hiện hoạt náo trong không gian hẹp

- Thực hiện hoạt náo trong không gian hẹp do chính cá nhân thực hiện theo Bài kiểm tra thực hành 1.
- Xây dựng sản phẩm báo cáo về chương trình hoạt náo trong không gian hẹp:
 - + Báo cáo nêu rõ đối tượng khán giả lựa chọn và phân tích được đặc điểm của đối tượng khán giả đó.
 - + Báo cáo xây dựng kịch bản một chương trình hoạt náo trong không gian hẹp (theo chương trình đã thực hiện trong bài thực hành 1) cho những khán giả đã phân tích ở trên.
 - ✓ Giới thiệu chào hỏi
 - ✓ Warm up
 - ✓ Trò chơi chính thức
 - ✓ Trò chơi dự bị
 - + Báo cáo lập được kế hoạch tổ chức hoạt động hoạt náo trong không gian hẹp đó: chuẩn bị, nhân sự, trang thiết bị, phương tiện hỗ trợ, kinh phí...
 - + Báo cáo sử dụng video và ảnh đã chụp tại buổi thực hành thực tế chương trình hoạt náo trong không gian hẹp

Y4- Thực hiện hoạt náo ngoài trời

- Thực hiện hoạt náo ngoài trời do chính cá nhân thực hiện theo Bài kiểm tra thực hành 2.
- Xây dựng sản phẩm báo cáo về chương trình hoạt náo ngoài trời:
 - + Báo cáo nêu rõ đối tượng khán giả lựa chọn và phân tích được đặc điểm của đối tượng khán giả đó.

- + Báo cáo xây dựng kịch bản một chương trình hoạt náo ngoài trời (theo chương trình đã thực hiện trong bài thực hành 2) cho những khán giả đã phân tích ở trên.
 - ✓ Giới thiệu chào hỏi
 - ✓ Warm up
 - ✓ Trò chơi chính thức
 - ✓ Trò chơi dự bị
- + Báo cáo lập được kế hoạch tổ chức hoạt động hoạt náo ngoài trời đó: chuẩn bị, nhân sự, trang thiết bị, phương tiện hỗ trợ, kinh phí...
- + Báo cáo sử dụng video và ảnh đã chụp tại buổi thực hành thực tế chương trình hoạt náo ngoài trời.

ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ASSIGNMENT

- **Giai đoạn 1:** Sinh viên nộp trên LMS sản phẩm (N1) và (N2).
- **Giai đoạn 2:** Sinh viên nộp trên LMS sản phẩm (N3) và (N4).

BẢNG 1: ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG SẢN PHẨM THEO TỪNG GIAI ĐOẠN (Thang điểm 10)

Sản phẩm	8<=Điểm <=10	5<=Điểm <8	Điểm <5
N1 (15%)	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp đầy đủ, rõ ràng và chính xác các thông tin về doanh nghiệp và công việc của một hoạt náo viên. - Đến doanh nghiệp thực tế để phỏng vấn trực tiếp hoặc tham gia thực tập, kiến tập tại phòng tổ chức sự kiện hoặc nhóm, câu lạc bộ hoạt náo viên. Mô tả tốt cơ hội và thách thức của một hoạt náo viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu từ 1- 2 mục thông tin về doanh nghiệp và 1 -2 mục thông tin về mô tả công việc của một hoạt náo viên. - Đã đến công ty phỏng vấn trực tiếp hoặc tham gia thực tập, kiến tập nhưng chưa thu thập đầy đủ thông tin nên còn thiếu từ 1-2 đặc điểm về mô tả cơ hội và thách thức của một hoạt náo viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu ít nhất 3 mục thông tin về doanh nghiệp và 3 phần thông tin về mô tả công việc về mô tả công việc của một hoạt náo viên. - Chưa đến công ty hoặc chưa thực hiện phỏng vấn, chưa đưa ra được những nội dung chính xác về cơ hội và thách thức của một hoạt náo viên.
N2 (15%)	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập được đủ số kịch bản yêu cầu. - Tìm hiểu và phỏng vấn được các nhân sự tham gia trong các chương trình đó về việc thực hiện kịch bản trên thực tế - Đưa ra được form mẫu chuẩn sát với thực tế công ty và có nhận xét cải tiến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thu thập được 1-2 kịch bản - Phỏng vấn được các nhân sự tham gia nhưng chưa đưa ra được những nhận xét và bài học kinh nghiệm cụ thể - form mẫu đưa ra sơ sài 	<ul style="list-style-type: none"> - Không thu thập được kịch bản nào . - Không thực hiện được phỏng vấn - Không đưa ra được Form mẫu.
N3 (35%)	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm báo cáo phải phản ánh được toàn cảnh thực tế chương trình hoạt náo trong không gian hẹp. - Có nhóm đối tượng khán giả cụ thể - Xây dựng kịch bản hoạt náo chu đáo, sáng tạo, phù hợp đối tượng khán giả. - Lập kế hoạch tỉ mỉ và bao quát. - Phải cắt/tạo/dựng 1 video cô đọng trong 5 - 10 phút về toàn cảnh chương trình hoạt náo dựa trên Video đã quay trong buổi thực hành. - Lựa chọn tối đa 3 – 5 ảnh chụp đặc sắc về chương 	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm báo cáo mới phản ánh được một phần thực tế chương trình hoạt náo trong không gian hẹp. - Có nhóm đối tượng nhưng chưa phù hợp. - Kịch bản còn 1-2 sai sót. - Kế hoạch còn 1-2 sai sót. - Video cắt tạo dựng quá ngắn (dưới 4 phút) hoặc quá dài (trên 10 phút) và chưa thể hiện được phần đặc sắc của chương 	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm báo cáo sơ sài, chỉ phản ánh được 1 phần rất nhỏ chương trình hoạt náo trong không gian hẹp. - Không lựa chọn được nhóm đối tượng. - Kịch bản có nhiều hơn 3 sai sót. - Kế hoạch có nhiều hơn 3 sai sót. - Video cắt dựng quá ngắn (dưới 3 phút) hoặc quá dài (trên 20 phút) và chưa thể

	trình Hoạt náo làm sản phẩm báo cáo.	trình hoạt náo. - Chỉ có ít (2 ảnh chụp) hoặc quá nhiều (Từ 7 đến 10 ảnh chụp) thể hiện trong chương trình hoạt náo.	hiện được phần đặc sắc của chương trình hoạt náo. - Chỉ có 1 ảnh chụp hoặc quá nhiều trên 10 ảnh chụp thể hiện trong chương trình hoạt náo
N4 (35%)	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm báo cáo phải phản ánh được toàn cảnh thực tế chương trình hoạt náo ngoài trời. Có nhóm đối tượng khán giả cụ thể Xây dựng kịch bản hoạt náo chu đáo, sáng tạo, phù hợp đối tượng khán giả. Lập kế hoạch tỉ mỉ và bao quát. Phải cắt/tạo/dựng 1 video cô đọng trong 5 - 10 phút về toàn cảnh chương trình hoạt náo dựa trên Video đã quay trong buổi thực hành. Lựa chọn tối đa 3 – 5 ảnh chụp đặc sắc về chương trình Hoạt náo làm sản phẩm báo cáo. 	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm báo cáo mới phản ánh được một phần thực tế chương trình hoạt náo ngoài trời. Có nhóm đối tượng nhưng chưa phù hợp. Kịch bản còn 1-2 sai sót. Kế hoạch còn 1-2 sai sót. Video cắt tạo dựng quá ngắn (3 - 5 phút) hoặc quá dài (15 - 20 phút) và chưa thể hiện được phần đặc sắc của chương trình hoạt náo. - Chỉ có ít (2 ảnh chụp) hoặc quá nhiều (Từ 7 đến 10 ảnh chụp) thể hiện trong chương trình hoạt náo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm báo cáo sơ sài, chỉ phản ánh được 1 phần rất nhỏ chương trình hoạt náo ngoài trời. - Không lựa chọn được nhóm đối tượng. - Kịch bản có nhiều hơn 3 sai sót. - Kế hoạch có nhiều hơn 3 sai sót. - Video cắt dựng quá ngắn (dưới 3 phút) hoặc quá dài (trên 20 phút) và chưa thể hiện được phần đặc sắc của chương trình hoạt náo. - Chỉ có 1 ảnh chụp hoặc quá nhiều trên 10 ảnh chụp thể hiện trong chương trình hoạt náo

Lưu ý: Trọng số sản phẩm linh hoạt tùy thuộc vào tầm quan trọng và độ khó của sản phẩm.

BẢNG 2: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO ASSIGNMENT (Thang điểm 10)

Tiêu chí	8<=Điểm <=10	5=<Điểm <8	Điểm <5
<i>1. Độ rõ ràng về mục tiêu dự án (15%)</i>	Các mục tiêu của dự án được trình bày một cách rõ ràng. Động lực theo đuổi dự án và sự phù hợp của dự án được thiết lập một cách rõ ràng và thuyết phục bằng cách liên hệ dự án đến các vấn đề thực tiễn.	Các mục tiêu của dự án được trình bày chưa rõ ràng. Động lực theo đuổi dự án và sự phù hợp của dự án được đề cập. Việc thảo luận là khá rõ ràng nhưng tính thuyết phục chưa cao do chưa liên hệ nhiều đến các vấn đề thực tiễn.	Các mục tiêu của dự án bị thiếu sót hoặc không chính xác. Có ít hoặc hầu như không có sự thảo luận nào về động lực và sự thích hợp của dự án. Người đọc bị mơ hồ về bản chất của dự án và tại sao nó cần được tiến hành.
<i>2. Tính hoàn thiện của sản phẩm (N1-N4) (30%)</i>	Các sản phẩm (N1-N4) đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo góp ý của giảng viên hướng dẫn trong 2 giai đoạn đánh giá, và đáp ứng đúng yêu cầu đặt ra của sản phẩm N1, N2, N3 và N4 theo bảng 1.	Các sản phẩm (N1-N4) đã được chỉnh sửa và hoàn thiện theo góp ý của giảng viên hướng dẫn trong 2 giai đoạn đánh giá. Tuy nhiên, chỉ mới 2/4 sản phẩm đáp ứng đúng yêu cầu của dự án theo bảng 1.	Các sản phẩm (N1-N4) đã được chỉnh sửa và hoàn thiện nhưng không theo góp ý của giảng viên hướng dẫn trong 2 giai đoạn đánh giá. Ngoài ra không có sản phẩm nào đáp ứng được các yêu cầu của dự án theo bảng 1.
<i>3. Tính logic của sản phẩm (N1-N4)(15%)</i>	Các sản phẩm N1-N4 trong báo cáo đều thể hiện tính liên kết chặt chẽ về mặt nội dung.	Chỉ có 2/4 sản phẩm thể hiện tính liên kết chặt chẽ về mặt nội dung.	Sản phẩm N1- N4 đều rời rạc và thiếu tính liên kết về mặt nội dung.
<i>4. Cấu trúc báo cáo (8%)</i>	Báo cáo được xây dựng theo hình thức báo cáo dự án tiêu chuẩn (ví dụ: tóm tắt dự án, phần tổng quan giới thiệu, các phương pháp tiến hành, kết quả, phân tích và kết luận). Phần tóm tắt được trình bày đầu tiên làm cho người đọc dễ dàng theo dõi phần còn lại của báo cáo.	Các yếu tố quan trọng của một báo cáo dự án tiêu chuẩn đều hiện diện, tuy nhiên chúng vẫn còn được xây dựng dưới dạng hình thức phi tiêu chuẩn. Ngoài ra, trình tự các ý tưởng được trình bày đôi chỗ còn gây khó hiểu cho người đọc.	Các yếu tố quan trọng của một báo cáo dự án tiêu chuẩn không được trình bày hoặc trình bày không đạt yêu cầu (về hình thức và trình tự).
<i>5. Năng lực phân tích (8%)</i>	Các kết quả được phân tích một cách cẩn thận, khoa học và khách quan. Các phần giải thích được tạo ra thông qua việc sử dụng các công thức, mô hình hay các lý thuyết phù hợp.	Phân tích chi tiết đủ để hỗ trợ người học hiểu nhưng chúng không được làm nổi bật thông qua việc sử dụng các công thức, mô hình hay các lý thuyết phù hợp.	Phân tích quá sơ sài và không đầy đủ dẫn đến người đọc không thể đánh giá được giá trị của các phần giải thích các kết quả.
<i>6. Sử dụng ngôn ngữ: cách dùng từ, và cấu trúc</i>	Các câu hoàn chỉnh và đúng ngữ pháp và chúng kết hợp lại với nhau một cách nhịp nhàng. Các từ được chọn lọc	Đối với các phần chính, các câu hoàn chỉnh và đúng ngữ pháp và chúng kết hợp lại với nhau một cách nhịp nhàng. Các lỗi bất kỳ	Các lỗi trong cấu trúc câu và ngữ pháp xuất hiện thường xuyên đến nỗi làm xao nhãng người

Tiêu chí	8<=Điểm <=10	5<=Điểm <8	Điểm <5
<i>câu (8%)</i>	chính xác theo ý nghĩa riêng của nó.	trong báo cáo đều nhỏ và không làm người đọc xao nhãng. Việc lặp lại các từ và cụm từ giống nhau đều được hạn chế tối đa.	đọc và còn gây nhiễu ý nghĩa của báo cáo. Trong báo cáo này, người viết thể hiện sai sót khi lặp lại các từ và cụm từ giống nhau không cần thiết quá nhiều lần.
<i>7. Sử dụng hình vẽ: Đồ thị, biểu đồ và bản vẽ (8%)</i>	Tất cả hình vẽ, đồ thị, biểu đồ và bản vẽ là chính xác, nhất quán và có chất lượng tốt. Chúng thúc đẩy sự hiểu biết về nội dung văn bản. Tất cả hình vẽ được đánh dấu một cách chính xác tương ứng với các tiêu chuẩn và được tham chiếu đến trong văn bản.	Phần lớn các hình vẽ, đồ thị, biểu đồ và bản vẽ là chính xác, nhất quán và có chất lượng tốt. Chúng được đánh dấu một cách chính xác tương ứng với các tiêu chuẩn và được tham chiếu đến trong văn bản.	Các hình vẽ, đồ thị, biểu đồ và bản vẽ có chất lượng kém, thiếu chính xác, đánh dấu nhầm hoặc bị thiếu sót. Không có văn bản giải thích tương ứng hoặc lại có sự dư thừa văn bản giải thích hình vẽ.
<i>8.Định dạng về mặt trực quan: Sử dụng khoảng trống và màu sắc trong văn bản (8%)</i>	Văn bản lôi cuốn về mặt thị giác. Không gian trắng và màu sắc được áp dụng một cách phù hợp để tách rời các khối văn bản và thêm sự nhấn mạnh. Người đọc có thể định hướng tài liệu một cách dễ dàng.	Sử dụng các không gian trắng và màu sắc giúp người đọc định hướng tài liệu mặc dù bố cục văn bản vẫn có thể được hoàn thiện hiệu quả và lôi cuốn hơn.	Tài liệu không có sự lôi cuốn về mặt thị giác và có ít “gợi ý” giúp người đọc định hướng tài liệu.

BẢNG 3: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THUYẾT TRÌNH ASSIGNMENT (Thang điểm 10)

Tiêu chí	8<=Điểm <=10	5<=Điểm <8	Điểm <5
1. Nội dung trình bày (25%)	Bao gồm đầy đủ nội dung chính của báo cáo và đáp ứng được các yêu cầu của sản phẩm từ N1- N4 trên bảng 1.	Đáp ứng được từ 50% - 70% nội dung chính của báo cáo và đáp ứng được các yêu cầu khoảng 50-70% chất lượng sản phẩm từ N1 -N4 4 trên bảng 1.	Đáp ứng dưới 50% nội dung chính của báo cáo và đáp ứng được các yêu cầu < 50% chất lượng sản phẩm từ N1- N4 trên bảng 1.
2. Tính logic về sự thuyết trình giữa các thành viên trong nhóm trình bày (10%)	Các phần thuyết trình giữa các thành viên trong nhóm đáp ứng khoảng 80 – 100% về tính logic, sự liên kết và tính mạch lạc.	Các phần thuyết trình giữa các thành viên trong nhóm đáp ứng khoảng 50 – 70% về tính logic, sự liên kết và tính mạch lạc.	Các phần thuyết trình giữa các thành viên trong nhóm đáp ứng dưới 50% về tính logic, sự liên kết và tính mạch lạc.
3. Trả lời câu hỏi phản biện (25%)	Sinh viên trả lời đúng từ 80-100% các câu hỏi mà hội đồng đánh giá Assignment đưa ra.	Sinh viên trả lời đúng từ 50% - 70% các câu hỏi mà hội đồng đánh giá Assignment đưa ra.	Sinh viên chỉ trả lời đúng < 50% câu hỏi do hội đồng đánh giá Assignment đưa ra.
4. Slide (15%)	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh trong slide trình bày rõ ràng và có tính thẩm mỹ cao. - Hình ảnh trực tiếp minh họa và hỗ trợ nội dung trình bày. - Slide trình bày hợp lý, nêu được ý chính, không quá nhiều/ít chữ trên 1 slide. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung hình ảnh phù hợp nhưng cần cải thiện thêm (quá ít hoặc quá nhiều thông tin được thể hiện). - Mối liên hệ giữa hình ảnh và nội dung nói chung là có nhưng không rõ ràng. - Trình bày đầy đủ nội dung nhưng có vài slide quá nhiều chữ làm khán giả phân tâm hoặc quá ít chữ để khán giả hiểu được nội dung của slide. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh rất tệ về truyền tải thông điệp, nội dung, không rõ hoặc không cần thiết. - Mối liên hệ giữa hình ảnh và nội dung không rõ ràng. - Hầu như không thể hiện được nội dung chính, hoặc quá nhiều chữ làm khán giả phân tâm hoặc quá ít chữ để khán giả hiểu được nội dung của slide.
5. Thời gian trình bày (10%)	<ul style="list-style-type: none"> - Khoảng từ 4-5 phút/SV. - Trình bày đầy đủ nội dung, nhịp nhàng theo thời gian. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 3-4 phút/SV. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dưới 3 phút hoặc trên 5 phút/SV.
6. Phong cách trình bày (15%)	<ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp bằng mắt với số đông khán giả trong thời gian trình bày. - Nói chậm rãi dễ dàng cho khán giả lắng nghe và theo kịp nội dung trình bày, phát âm rõ ràng, dừng đúng nơi đúng lúc. - Không đứng che màn chiếu để khán giả có thể thấy toàn bộ nội dung trên màn chiếu trong toàn bộ thời gian. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ nhìn lướt qua mắt một khán giả hoặc nhìn chăm chăm vào một ai đó, đôi khi chỉ nhìn vào màn hình. - Nhìn chung nói đủ chậm, đủ to và đủ rõ nhưng thỉnh thoảng nói vấp và không trôi chảy. - Thỉnh thoảng sinh viên che màn chiếu nhưng nhìn chung khán giả có thể thấy được. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhìn vào nơi nào đó (trần nhà, sàn nhà, góc phòng) hay nhìn chăm chăm vào màn hình. - Nói không trôi chảy và giọng điệu không phù hợp. - Đứng che màn chiếu hơn một nửa thời gian trình bày.

